

NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA NGƯỜI BẢO CHỮ TẠI PHIÊN TOÀ HÌNH SỰ

ThS. NGUYỄN NGỌC KHANH *

1. Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) đầu tiên của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 28/6/1988. Qua hai lần sửa đổi, bổ sung (ngày 22/12/1992 và ngày 26/11/2003) nhiều chế định của Bộ luật được sửa đổi, bổ sung đáng kể nhưng các quy định của Bộ luật về hoạt động của người bảo chữa tại phiên toà hầu như không có sự thay đổi. Thực tế áp dụng các quy định của BLTTHS trong thời gian qua cho thấy các quy định của BLTTHS về vai trò của người bảo chữa tại phiên toà⁽¹⁾ chưa thực sự hợp lí và còn nhiều bất cập khi áp dụng những quy định này trong thực tiễn. Trong khoa học luật tố tụng hình sự gần đây đã có một số công trình đề cập những bất cập đó.⁽²⁾ Trong bài viết này chúng tôi tiếp cận vấn đề dưới góc độ so sánh vị trí của người bảo chữa tại phiên toà theo luật tố tụng hình sự Việt Nam và trong hệ thống tố tụng hình sự của Úc với mong muốn rút ra được những bài học bổ ích và đưa ra những kiến nghị sửa đổi một số quy định của BLTTHS hiện hành về vấn đề này.

Trong BLTTHS Việt Nam hiện hành, vị trí của người bảo chữa tại phiên toà hình sự sơ thẩm được quy định tại các điều luật sau: Điều 19 (đảm bảo quyền bình đẳng trước toà án), Điều 190 (sự có mặt của người bảo chữa), Điều 207 (trình tự xét hỏi), các điều từ Điều 209 đến Điều 215 (quy định về thủ

tục xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ...), Điều 217 (trình tự phát biểu khi tranh luận) và Điều 218 (đổi đáp).

Theo quy định của Điều 19 BLTTHS, tại phiên toà, người bảo chữa có quyền bình đẳng với kiểm sát viên, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước toà án. Toà án có trách nhiệm tạo điều kiện cho người bảo chữa thực hiện những quyền này để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Tại phiên toà, vai trò của người bảo chữa trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo được thể hiện trong thủ tục xét hỏi và thủ tục tranh luận.

2. Vai trò của người bảo chữa trong thủ tục xét hỏi được quy định tại khoản 2 Điều 207 BLTTHS như sau:

“Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các hội thẩm, sau đó đến kiểm sát viên, người bảo chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Những người tham gia phiên tòa cũng có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Người giám định được hỏi về những vấn đề có liên quan

* Giảng viên Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

đến việc giám định”.

Có thể nói quy định tại khoản 2 Điều 207 BLTTHS là biểu hiện sinh động nhất của hệ thống tố tụng xét hỏi đã và đang tồn tại ở Việt Nam và một số nước, ví dụ như Trung Quốc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 207 BLTTHS Việt Nam, khi xét hỏi người có quyền đặt câu hỏi đầu tiên là thẩm phán, sau đó đến hội thẩm, rồi đến kiểm sát viên. Chỉ sau khi những người tiến hành tố tụng kết thúc việc xét hỏi thì người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự mới có quyền đặt câu hỏi. Trên thực tế, các câu hỏi đối với người bị xét hỏi đại đa số được đặt ra bởi thẩm phán, hội thẩm và kiểm sát viên. Khi những người này tiến hành xét hỏi, thông thường chủ tọa phiên toà không không chế về mặt thời gian nhưng khi người bào chữa đặt câu hỏi với người bị xét hỏi, họ thường bị chủ tọa phiên toà ngắt lời và hạn chế thời gian hỏi.⁽³⁾ Câu hỏi đặt ra ở đây là: Vai trò của thẩm phán (và cả hội thẩm) trong thủ tục xét hỏi nói riêng, tại phiên toà nói chung là gì? Họ là những người “trọng tài” đứng ra phân xử giữa bên buộc tội và bên gỡ tội hay họ là những người xét hỏi? Những người ủng hộ hệ thống tố tụng xét hỏi có thể biện hộ rằng tại phiên toà, thẩm phán đóng vai trò là trọng tài nhưng việc họ có quyền xét hỏi không mâu thuẫn với việc họ thực hiện vai trò của người trọng tài. Không những thế, việc xét hỏi còn có thể giúp họ đưa ra được quyết định đúng đắn về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, quy định này chưa thực sự hợp lí.

Tham khảo quy định của pháp luật các nước có hệ thống tố tụng tranh tụng nói chung, của pháp luật Úc nói riêng có thể thấy rằng vai trò của thẩm phán tại phiên toà ở những nước này hoàn toàn khác với vai trò của thẩm phán tại phiên toà ở Việt Nam. Trong hệ thống tố tụng tranh tụng, tại phiên toà, thẩm phán thực sự là người “trọng tài” (umpire), lắng nghe ý kiến các bên để đưa ra quyết định cuối cùng.⁽⁴⁾ Họ không trực tiếp tiến hành việc xét hỏi như ở Việt Nam. Theo Koppen và Penrod,⁽⁵⁾ trong hệ thống tố tụng tranh tụng, thủ tục tố tụng là cuộc đấu tranh giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Hệ thống này coi trọng sự trình bày của các bên và sự cung cấp chứng cứ của các bên tại phiên toà hơn là những chứng cứ có sẵn trong hồ sơ. Tại phiên toà, công tố viên và luật sư bào chữa bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ và kiểm tra người làm chứng của bên kia. Vì là hệ thống tố tụng hình sự tranh tụng nên thủ tục xét hỏi không được đặt ra như ở Việt Nam. Tuy nhiên, luật cho phép công tố viên và người bào chữa được đặt câu hỏi đối với bị cáo và người làm chứng được yêu cầu triệu tập bởi bất cứ bên nào. Xét dưới góc độ nhất định việc xét hỏi vẫn được tiến hành nhưng chủ thể của việc xét hỏi là công tố viên và luật sư chứ không phải là thẩm phán và bồi thẩm đoàn. Trong hệ thống này, thẩm phán được xác định là “trọng tài” thực thụ, là người kiểm tra các chứng cứ (gatekeeper for evidence), xác định những chứng cứ nào có giá trị sử dụng và hướng dẫn bồi thẩm đoàn trong việc đánh giá chứng cứ.

Có thể sẽ là khập khiễng khi so sánh vai trò của luật sư trong thủ tục xét hỏi theo quy định của pháp luật Việt Nam với vai trò của luật sư tại phiên toà theo quy định của pháp luật Úc vì hai nước này có hai hệ thống tố tụng hình sự khác nhau. Cũng không thể mang các quy định của pháp luật của một nước theo hệ thống common law như Úc để áp dụng vào thực tiễn một nước theo hệ thống civil law như Việt Nam. Tuy nhiên, qua việc nghiên cứu hệ thống tố tụng tranh tụng của Úc, chúng ta có thể nhận thấy những điểm ưu việt của hệ thống tố tụng này và rút ra bài học, cân nhắc những điểm ưu việt đó khi tiến hành sửa đổi các quy định tương ứng trong BLTTHS. Chúng tôi cho rằng điểm ưu việt lớn nhất của hệ thống tố tụng tranh tụng là vai trò của thẩm phán được xác định rõ ràng, bởi họ là người trọng tài công minh, đứng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Với tư cách là người trọng tài, họ không tham gia vào việc xét hỏi mà chỉ kiểm tra, đánh giá chứng cứ các bên đưa ra. Ở Việt Nam, thẩm phán vừa là người tiến hành xét hỏi vừa là người phân xử. Khi tiến hành xét hỏi, thẩm phán phải xét hỏi một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ nhưng trên thực tế thì khi xét hỏi thẩm phán cũng như kiểm sát viên thường chỉ tập trung vào các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo. Khi nghiên cứu hệ thống tố tụng xét hỏi, các học giả phương Tây cho rằng hệ thống tố tụng này được xem như một cuộc điều tra (an inquest),⁽⁶⁾ nhà nước chỉ quan tâm đến kết quả của quá trình tố tụng và muốn những người làm công tác điều tra tìm ra

càng nhiều sự thật càng tốt⁽⁷⁾ và hệ thống này quan tâm đến chứng cứ trong hồ sơ hơn là chứng cứ được đưa ra tại phiên toà.⁽⁸⁾ Hơn thế nữa, họ cho rằng vì trước khi xét xử thẩm phán đã nghiên cứu hồ sơ nên dễ có cái nhìn định kiến đối với bị cáo. McEwan cho rằng trong hệ thống tố tụng xét hỏi, sự xét hỏi được định hướng bởi niềm tin rằng tội phạm (được đem ra xét xử) chắc chắn đã được thực hiện.⁽⁹⁾ Đường như những nhận định trên rất đúng với thực tiễn tố tụng hình sự Việt Nam.

Một sự khác biệt nữa giữa hệ thống tố tụng xét hỏi và hệ thống tố tụng tranh tụng mà sự khác biệt này dẫn đến các quy định của pháp luật về thủ tục xét hỏi tại phiên toà khác nhau, đó là sự khác nhau trong việc phân định các chức năng truy tố, xét xử và bào chữa. Trong hệ thống tố tụng tranh tụng, sự phân định này rất rõ ràng: Công tố viên giữ quyền công tố, luật sư có chức năng bào chữa và thẩm phán đóng vai trò của người “trọng tài”. Trong hệ thống tố tụng tranh tụng, thẩm phán không tham gia vào việc xét hỏi như ở Việt Nam. Sự chuyên biệt hoá vai trò của thẩm phán với tư cách là người trọng tài giúp họ thực hiện chức năng của mình tốt hơn và đánh giá chứng cứ một cách khách quan hơn. Ngược lại, trong hệ thống tố tụng xét hỏi, chức năng của thẩm phán và chức năng của kiểm sát viên dường như bị chồng chéo. Theo quy định tại Điều 10 BLTTHS Việt Nam, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng (bao gồm cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án). Tại

phiên toà, thẩm phán ngoài trách nhiệm của người “trọng tài” còn mang trách nhiệm chung là chứng minh tội phạm, giống như kiểm sát viên. Việc BLTTHS quy định thẩm phán là người đặt câu hỏi đầu tiên đối với người bị xét hỏi cũng phần nào thể hiện trách nhiệm của thẩm phán trong việc chứng minh tội phạm.

Gần đây, trong khoa học luật tố tụng hình sự Việt Nam, một số tác giả đã đề xuất sửa đổi các quy định của BLTTHS về thủ tục xét xử theo hướng quy định chủ thể của việc xét hỏi chỉ là kiểm sát viên và người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự.⁽¹⁰⁾ Thẩm phán và hội thẩm không tham gia xét hỏi mà chỉ đặt câu hỏi khi thấy cần thiết làm sáng tỏ các câu trả lời của người bị xét hỏi. Chúng tôi đồng ý với đề xuất này. Cụ thể, chúng tôi kiến nghị sửa đổi trình tự xét hỏi tại phiên toà (khoản 2 Điều 207 BLTTHS) theo hướng quy định khi xét hỏi kiểm sát viên hỏi trước rồi đến người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Thẩm phán và hội thẩm chỉ đặt câu hỏi khi thấy cần làm rõ các tình tiết trong lời khai của người bị xét hỏi.

3. Có thể nói, vai trò của người bào chữa trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo tại phiên toà được thể hiện rõ nét nhất trong thủ tục tranh luận tại phiên toà. Theo quy định tại Điều 217 BLTTHS, sau khi kiểm sát viên trình bày lời luận tội, nếu bị cáo có người bào chữa thì người bào chữa trình bày bản bào chữa của mình cho bị cáo. Bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa. Theo quy định của Điều 218 BLTTHS,

người bào chữa có quyền trình bày ý kiến của mình về bản luận tội của kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình. Họ có quyền đáp lại ý kiến của kiểm sát viên và của những người tham gia tranh luận khác. Khi kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tranh luận khác tranh luận, chủ tọa phiên toà không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện để người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án. Để đảm bảo việc tranh luận tại phiên toà, Điều 218 BLTTHS quy định chủ tọa phiên toà có quyền đề nghị kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được kiểm sát viên tranh luận.

Thực tiễn tố tụng hình sự Việt Nam những năm qua cho thấy, kể từ khi Nghị quyết của Bộ chính trị số 08/NQ-TW ngày 02/01/2001 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết của Bộ chính trị số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 được ban hành, thủ tục tranh tụng tại phiên toà hình sự được coi trọng hơn rất nhiều so với trước đây và người bào chữa được tạo điều kiện tốt hơn để tham gia tranh tụng với kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy việc áp dụng các quy định của BLTTHS về thủ tục tranh tụng tại phiên toà còn tồn tại một số bất cập. Cụ thể là:

Thứ nhất, khi người bào chữa trình bày

bản bào chữa của mình, họ có thể bị chủ toạ phiên toà hạn chế về mặt thời gian. Ví dụ, trong phiên xử Bùi Tiến Dũng ngày 03/8/2007, chủ toạ phiên toà hạn chế mỗi người bào chữa chỉ được nói trong 10 phút. Luật sư Phạm Hồng Hải đứng dậy phát biểu: “*Theo quy định, chủ toạ không được hạn chế thời gian tranh luận của các luật sư*”⁽¹¹⁾.

Thứ hai, có những trường hợp, khi người bào chữa trình bày, hội đồng xét xử tạo điều kiện cho họ trình bày nhưng sau đó tuyên bố “không chấp nhận ý kiến của người bào chữa” mà không nêu lí do không chấp nhận. Theo kết quả khảo sát năm 2006,⁽¹²⁾ kể từ khi Nghị quyết số 08/NQ-TW được ban hành, tình trạng này không còn nhiều song thỉnh thoảng vẫn xảy ra trong thực tế.

Thứ ba, khi người bào chữa đưa ra vấn đề yêu cầu tranh luận với kiểm sát viên, trong nhiều trường hợp kiểm sát viên không đáp lại ý kiến của người bào chữa và chủ toạ phiên toà cũng không yêu cầu kiểm sát viên đối đáp với người bào chữa.⁽¹³⁾ Theo quy định tại Điều 218 BLTTHS, chủ toạ phiên toà có quyền đề nghị kiểm sát viên phải đáp lại ý kiến của người bào chữa nếu ý kiến đó chưa được kiểm sát viên tranh luận. Tuy nhiên, vì đây là quyền của chủ toạ phiên toà nên chủ toạ phiên toà có thể thực hiện, có thể không. Theo chúng tôi luật nên quy định đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của chủ toạ phiên toà, có nghĩa là khi người bào chữa hoặc người tham gia tranh luận khác đưa ra vấn đề yêu cầu tranh luận với kiểm sát viên, nếu vấn đề đó chưa được tranh luận mà kiểm sát viên không tự

nguyện tham gia tranh luận, chủ toạ phiên toà phải yêu cầu kiểm sát viên đáp lại ý kiến của người bào chữa hoặc người tham gia tranh luận khác, có như vậy mới đảm bảo việc tranh luận công khai tại phiên toà theo tinh thần cải cách tư pháp.

Ở Úc nói riêng và ở các nước theo hệ thống tố tụng tranh tụng nói chung, việc tranh luận tại phiên toà được thực hiện rất nghiêm túc, công khai. Bản chất của hệ thống tố tụng tranh tụng là “*sự tranh cãi giữa các bên*”⁽¹⁴⁾ và như đã nói ở phần trên, hệ thống tố tụng này coi trọng việc trực tiếp trình bày của các bên tại phiên toà hơn là những chứng cứ có trong hồ sơ. Bởi vậy, tất cả các tình tiết được đưa ra bởi bên buộc tội và bên gỡ tội tại phiên toà đều phải được tranh luận công khai.

Ở Việt Nam, có thể thấy các quy định của pháp luật về chủ thể tham gia và trình tự tranh luận tại phiên toà tương đối hợp lí. Tuy nhiên, luật chưa có được quy định đủ chặt chẽ đảm bảo những quy định này được thực thi trên thực tế. Chúng tôi kiến nghị: Điều 218 BLTTHS cần sửa đổi theo hướng quy định khi người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đưa ra các tình tiết yêu cầu kiểm sát viên tranh luận, kiểm sát viên có nghĩa vụ phải đáp lại ý kiến đó nếu những ý kiến đó chưa được kiểm sát viên tranh luận. Chủ toạ phiên toà phải có trách nhiệm đảm bảo việc đối đáp giữa kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

4. Kể từ khi Nghị quyết của Bộ chính trị số 08/NQ-TW được ban hành năm 2001, có

thể nói rằng mặc dù các quy định của BLTTHS (2003) về thủ tục tố tụng tại phiên toà không có sự thay đổi so với trước đây song trên thực tế, vai trò của luật sư bào chữa tại phiên toà dần dần được đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy do nhiều nguyên nhân (như các quy định về thủ tục xét hỏi chưa hợp lí; quy định về trách nhiệm của chủ tọa phiên toà trong thủ tục tranh luận chưa chặt chẽ và do những người tiến hành tố tụng chưa thực sự triệt để tuân thủ các quy định của pháp luật...), người bào chữa chưa thực sự phát huy hết được vai trò của mình trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Chúng tôi đề xuất sửa đổi các quy định của Điều 207 (trình tự xét hỏi) và Điều 218 (đôi đáp) nhằm đề cao hơn nữa vai trò của người bào chữa tại phiên toà và tạo điều kiện cho họ thực hiện chức năng cao cả của mình là bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Với sự thay đổi này, hệ thống tố tụng hình sự Việt Nam sẽ dần dần chuyển từ hệ thống tố tụng xét hỏi sang hệ thống tố tụng hỗn hợp. Hệ thống này, theo chúng tôi, về cơ bản vẫn giữ bản chất của hệ thống tố tụng xét hỏi nhưng bên cạnh đó đúc rút những điểm ưu việt của hệ thống tố tụng tranh tụng; việc tranh tụng tại phiên toà được đặt ra thành một nguyên tắc trong tố tụng hình sự. Việc thay đổi này hoàn toàn phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp. Đối với người bào chữa, hệ thống tố tụng hỗn hợp sẽ mang lại cho họ cơ hội tốt hơn để tham gia vào thủ tục xét hỏi và thủ tục tranh luận tại phiên toà để bảo vệ các quyền và

lợi ích hợp pháp của bị cáo./.

- (1). Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập vị trí của người bào chữa tại phiên toà hình sự sơ thẩm.
- (2). Xem: Hoàng Thị Sơn, “*Thực tiễn thực hiện quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa*”, Tạp chí luật học số 4/2002; Hoàng Thị Sơn, “*Thực hiện nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*”, Luận án tiến sĩ, 2003; Nguyễn Huy Thiệp, *Một vài ý kiến về cải cách tư pháp với hoạt động của luật sư tại phiên toà*, Nguồn: http://www.luatsuhanoi.org.vn/traodoi/caicach_hoatdong.asp; Lê Phú Thịnh, *Cải cách tư pháp - Góc nhìn từ một phiên toà hình sự sơ thẩm - ý kiến của luật sư vẫn chưa được tôn trọng*, Nguồn: http://www.luatsuhanoi.org.vn/traodoi/caicach_tuphap.asp#top; Nguyễn Văn Chiến, *Nâng cao kỹ năng tranh tụng của luật sư Việt Nam bên thêm hội nhập*, Nguồn: <http://www.luatsuhanoi.org.vn/vande/nangcaokynangtranhtung.asp#top>.
- (3). Xem: Hoàng Thị Sơn, *Thực hiện nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*, Luận án tiến sĩ, 2003.
- (4). Xem: Peter J. Van Koppen và Steven D. Penrod, *So sánh hệ thống tố tụng tranh tụng và hệ thống tố tụng xét hỏi* trong cuốn “*Hệ thống tụng tranh tụng và hệ thống tố tụng xét hỏi - Viễn cảnh của các hệ thống tố tụng hình sự*”, Nxb. Kluwer Academic/Plenum Publishers, 2003 và Jenny McEwan, *Chứng cứ và thủ tục tố tụng tranh tụng - Luật hiện đại*, Nxb. Hart Publishing, 1998.
- (5). Xem: Koppen and Penrod, Sdd.
- (6). Xem: Koppen and Penrod, Sdd.
- (7). Xem: McEwan, Sdd.
- (8). Xem: Koppen and Penrod, Sdd.
- (9). Xem: Mc Ewan, Sdd.
- (10). Xem: Nguyễn Huy Thiệp, Tlđđ.
- (11). Xem: <http://ngoisao.net/News/Hinhsu/2007/08/3B9C0156/>
- (12). Khảo sát được tiến hành bởi tác giả để phục vụ cho việc viết luận án tiến sĩ với đề tài: “*Vai trò của luật sư bào chữa ở Việt Nam*”.
- (13). Xem: Lê Phú Thịnh, Tlđđ.
- (14). Xem: Koppen and Penrod, Sdd.